TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/*2019/HN - ST*
Ngày: *15- 3 - 2019*
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con,"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ *tham gia phiên toà:* Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp " ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST - HN ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Minh N, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Số 145 A, ấp Tân N, xã Tân H, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Lư Văn Đ, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 51/5, ấp An T, xã Phú Đ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV (vắng).

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà REE Tower, số 9, Đoàn Văn B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1966 (có mặt)

3.3 Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 145 A, ấp Tân N, xã Tân H, TP VL, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Minh N và anh Lư Văn Đ tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Đức, huyện Long Hồ vào ngày 22/5/2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng giữa năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, anh Đ không chăm lo cho gia đình mà thường xuyên uống rượu, chửi mắng chị N và cha mẹ chị N. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Lư Văn Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lư Huỳnh T, sinh ngày 20/8/2015 và Lư Huỳnh K, sinh ngày 17/6/2018. Hiện cháu T đang sống chung với anh Đ, cháu K đang sống chung với chị N.

Khi ly hôn: chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.400.000đồng/02 con chung cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Trường hợp, Tòa án giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng thì chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị N và anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

Chị N và anh Đ mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 2.500.000đồng và trả cho ông Huỳnh Thanh H số tiền 5.000.000đồng.

Đối với số nợ Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV, chị N tự nguyện trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà chị N với công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV đã ký kết.

Anh Đ tự nguyện giao cho chị N số tiền 23.789.000đồng để phụ chị N trả nợ cho Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV, chị N đồng ý nhận số tiền anh Đ giao.

* Ngoài ra chị N khai chị và anh Đ còn nợ của Nguyễn Thị Nh số vàng 5.5 chỉ vàng 24k. Bà Nh không có yêu cầu gì về số vàng này, nên chị N cũng không yêu cầu anh Định cùng trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn trình bày:

Anh Lư Văn Đ thống nhất với lời trình trình bày của phía chị N về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung. Anh Đ có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Định không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Đ yêu cầu được nuôi cháu Lư Huỳnh T, sinh ngày 20/8/2015 và đồng ý giao cháu Lư Huỳnh K, sinh ngày 17/6/2018 cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ đồng ý trả cho bà Nh 2.500.000đ, trả cho ông Huỳnh Văn H 5.000.000đ, đồng ý giao cho chị N số tiền 23.789.000 đồng để phụ chị N trả nợ cho Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV.

Anh Đ không đồng ý cùng với chị N trả cho bà Nh 5.5 chỉ vàng 24k vì không có mượn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Bà Nh có cho Huỳnh Minh N và con rễ là Lư Văn Đ mượn số tiền 5.000.000đồng và 5,5 chỉ vàng 24K. Số tiền và vàng này chị N hỏi mượn, chị N cũng là người trực tiếp nhận vàng và tiền do bà đưa, khi nhận vàng và tiền không có mặt của Đ. Khi cho mượn vàng và tiền không có làm biên nhận nợ.

Bà Nh đồng ý nhận số tiền mà anh Đ và chị N tự nguyện mỗi người trả cho bà số tiền 2.500.000đồng.

Anh Đ không thừa nhận có mượn vàng của bà, bà Nh cũng không yêu cầu anh Đ và chị N trả số vàng này, bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông H có cho anh Lư Văn Đ và chị Huỳnh Minh N mượn 10.000.000đ. Ông đồng ý nhận số tiền mà anh Đ và chị N tự nguyện mỗi người trả cho ông số tiền 5.000.000đồng, ông H cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức lấy lời khai đương sự đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng công ty tài chính đã được triệu hợp lệ, nhưng không có ý kiến và có mặt tại Tòa án để giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì anh Đ thường xuyên bạo hành đối với chị N trong khoảng thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải nhưng chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Đ. Do

đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Cháu Lư Huỳnh T, sinh 20/8/2015 hiện nay anh Đ đang nuôi dưỡng, cháu Lư Huỳnh K, sinh 17/6/2018 do chị N đang nuôi dưỡng. Để tránh sự xáo trộn tâm lý của cháu T, nên giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cháu K dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị N nuôi dưỡng. Chị N và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau.

- Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Nợ chung: Việc anh Đ và chị N tự nguyện mỗi người trả ½ số tiền cho bà Nh và ông H, nên ghi nhận sự tự nguyện này; Buộc chị N trả cho bà Nh 2.500.000đ và trả cho ông H 5.000.000đ; buộc anh Đ trả bà Nh 2.500.000đ và trả cho ông H 5.000.000đ.

Đối với số nợ vay của Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV, hợp đồng vay này do chị N ký kết, vay tín chấp, Công ty tài chính đã được thông báo hợp lệ, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến yêu cầu, do đó buộc chị N có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho Công ty tài chính theo Hợp đồng tín dụng số 20170330-0003653 ngày 30/3/2017.

Anh Đ tự nguyện giao cho chị N số tiền 23.789.000đ để phụ trả nợ cho Công ty tài chính, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh Đ, buộc anh định có trách nhiệm giao cho chị N số tiền 23.789.000đ

Về phần nợ 5.5 chỉ vàng 24k của bà Nh, bà Nh và chị N không yêu cầu, nên miễn xét.

Về án phí: Buộc chị N nộp 300.000đ tiền án phí HNST và 1.564.000đ án phí thực hiện nghĩa vụ. Buộc anh Đ nộp 1.564.000đ tiền án phí do thực hiện nghĩa vụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn, nuôi con", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Phú Đức, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty tài chính theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Phú Đức cấp ngày 22/5/2015 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng, chị N bị anh Đ bạo hành trong thời gian dài, nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị N và anh Đ không còn gắn bó, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Huỳnh Minh N được ly hôn với anh Lư Văn Đ.

[4] Về con chung:

Cháu Lư Huỳnh K, sinh ngày 17/6/2018 hiện nay chị N đang nuôi dưỡng. Anh Đ cũng đồng ý giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này giữa chị N và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này, giao cháu Lư Huỳnh K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Cháu Lư Huỳnh T, sinh ngày 20/8/2015 hiện nay anh Đ đang nuôi dưỡng. Chị N và anh Đ đều yêu cầu được nuôi cháu Thức.

Xét, cháu T hiện nay đang được anh Đ nuôi dưỡng, từ khi chị N và anh Đ không sống chung thì cháu T do anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay chị N đang nuôi con nhỏ, chưa có công việc ổn định, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của trẻ, tránh xáo trộn làm ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi cháu T của chị N, giao cháu T cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh Đ đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị N và anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung:

Sự thỏa thuận về chia nợ chung giữa anh Đ và chị N là hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Công ty tài chính TNHH Một thành viên NHVNTV và chị N là hợp đồng vay tín chấp, và chỉ có chị N đứng tên vay, nên sự thỏa thuận về chia nợ chung của chị N và anh Đ không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty tài chính TNHH một thành

viên NHVNTV. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về trả nợ chung giữa chị N và anh Đ như sau:

Chị Huỳnh Minh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 2.500.000đồng và trả cho ông Huỳnh Thanh H số tiền 5.000.000đồng.

Anh Lư Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 2.500.000đồng và trả cho ông Huỳnh Thanh H số tiền 5.000.000đồng.

Chị Huỳnh Minh N có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 20170330-0003653 ngày 30/03/2017 mà chị N đã ký kết với Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV.

Anh Đ có nghĩa vụ giao cho chị N số tiền 23.789.000đồng để phụ chị N trả nợ cho Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV.

Đối với số nợ của bà Nh 5.5 chỉ vàng 24k, bà Nh và chị N đều không yêu cầu, nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Chị N phải chịu 1.475.000đ tiền án phí do thực hiện nghĩa vụ.

Anh Đ phải chịu 1.475.000đ tiền án phí do thực hiện nghĩa vụ.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 37, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Minh N được ly hôn với anh Lư Văn Đ

2. Về con chung:

- Giao cháu Lư Huỳnh T, sinh ngày 20/8/2015 cho anh Lư Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng

- Giao cháu Lư Huỳnh K, sinh ngày 17/6/2018 cho chị Huỳnh Minh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Huỳnh Minh N và anh Lư Văn Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau, nên Tòa án không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Chị Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trả cho ông Huỳnh Văn H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Anh Lư Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trả cho ông Huỳnh Văn H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Chị Huỳnh Minh N có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hợp tín dụng số 20170330-0003653 ngày 30/3/2017 mà chị N đã ký kết với Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV.

Anh Đ có nghĩa vụ giao cho chị N số tiền 23.789.000đ (Hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng) để phụ chị N trả nợ cho Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV.

Đối với số nợ của bà Nguyễn Thị Nh 5.5 chỉ vàng 24k, chị N và bà Nh không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

6. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Minh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002050 ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua, chị N không phải nộp thêm tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Buộc chị Huỳnh Minh N phải nộp 1.475.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí do thực hiện nghĩa vụ.

Buộc anh Lư Văn Đ phải nộp 1.475.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí do thực hiện nghĩa vụ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Công ty tài chính TNHH một thành viên NHVNTV được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú